

# Đánh giá rủi ro trong ngân hàng thương mại nhằm phục vụ cho hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính

TS. PHẠM TIẾN ĐẠT

Học viện Ngân hàng

*Rủi ro được hiểu là những biến cố có thể xảy ra nhưng không lường trước được. Đối với kiểm toán tài chính, việc nhận diện, đánh giá đúng về khả năng tồn tại, mức độ trọng yếu của gian lận, sai sót sẽ giúp xác định khối lượng, phạm vi, nội dung trọng điểm kiểm toán, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng kiểm toán.*

Bản chất cũng như mục tiêu của kiểm toán nói chung là thẩm định và xác nhận mức độ tin cậy của các thông tin liên quan đến mọi hoạt động trong đơn vị. Để có thể đưa ra ý kiến xác nhận phù hợp, kiểm toán viên (KTV) cần phải phát hiện ra sai phạm, đặc biệt là những sai phạm trọng yếu. Do đó, để có thể xác định đúng phạm vi kiểm toán có khả năng tồn tại những sai phạm thì việc nhận diện, đánh giá đúng các loại rủi ro là công việc cần thiết và bắt buộc đối với mọi cuộc kiểm toán.

Trong kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC) đối với ngân hàng thương mại (NHTM), mục tiêu của quá trình kiểm toán là kiểm tra và đưa ra ý kiến nhận xét về mức độ trung thực, hợp lý của BCTC được kiểm toán của các NHTM, gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh,

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh BCTC. Cuộc kiểm toán này dù được thực hiện bởi tổ chức nào (Kiểm toán Nhà nước, kiểm toán độc lập, kiểm toán nội bộ), KTV cần phải quan tâm đánh giá các loại rủi ro trong hệ thống của đối tượng kiểm toán, bao gồm rủi ro tiềm tàng và rủi ro kiểm soát. Việc đánh giá đúng đắn mức độ các loại rủi ro là căn cứ giúp KTV xác định quy mô, phạm vi, nội dung công việc kiểm toán.

## 1. Nhận diện các loại rủi ro

NHTM cũng giống như các tổ chức kinh doanh khác, hoạt động vì mục đích thu lợi nhuận nhưng là tổ chức đặc biệt vì đối tượng kinh doanh là tiền tệ, được thực hiện bằng cách thu hút vốn tiền tệ trong xã hội để cho vay. Hoạt động chính của NHTM gồm: hoạt động huy động vốn; hoạt động sử dụng vốn và thực hiện các dịch vụ



trung gian như dịch vụ thu hộ, chi hộ cho khách hàng có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng; dịch vụ chuyển khoản ở cùng một ngân hàng hay ở hai ngân hàng khác nhau; dịch vụ tư vấn cho khách hàng các vấn đề tài chính, dịch vụ giữ hộ các chứng từ, vật quý giá, dịch vụ chi lương cho các doanh nghiệp có nhu cầu; dịch vụ khấu trừ tự động...

Ngân hàng là một trung gian tài chính, vì vậy ngân hàng có thể “hứng chịu” rủi ro đến từ hai phía. Để có thể nhận biết được những rủi ro trong hoạt động của ngân hàng cần quan sát các hoạt động mà các ngân hàng đang thực hiện và phân tích những rủi ro trong quá trình hoạt động đó. So với các đơn vị kinh doanh khác, hoạt động của ngân hàng có đặc điểm sau:

- Đại bộ phận tiền vốn mà ngân hàng sử dụng để tài trợ cho khách hàng không phải là vốn của ngân hàng mà được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó chủ yếu là tiền gửi của các chủ thể trong nền kinh tế. Điều này cũng có nghĩa là việc ngân hàng nhận được nhiều hay ít tiền gửi đều có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của ngân hàng. Rủi ro có thể phát sinh từ sự hình thành các nguồn vốn mà ngân hàng sử dụng.

- Việc kiểm soát và quản lý nguồn vốn vượt khỏi tầm quản lý trực tiếp của ngân hàng do tiền ngân hàng đã chuyển cho khách hàng sử dụng. Khả năng thu hồi vốn của ngân hàng

không chỉ phụ thuộc vào chính bản thân ngân hàng và khách hàng mà còn phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố khách quan khác tác động đến ngân hàng và khách hàng. Đặc trưng này liên quan tới khả năng dự liệu những rủi ro có thể xảy ra của ngân hàng.

- Lĩnh vực kinh doanh ngân hàng chịu sự giám sát chặt chẽ của các cơ quan quản lý Nhà nước. Mặc dù mục tiêu giám sát của các cơ quan này là nhằm giảm thiểu rủi ro cho nền kinh tế thông qua cơ chế quản lý tài chính đối với các hoạt động của ngân hàng, nhưng cũng có thể điều này gây nên tâm lý thụ động hoặc ỷ lại của ngân hàng, hoặc “đơn giản hoá”, bỏ qua các vấn đề cần được quan tâm. Chính điều này tiềm ẩn rủi ro khó lường cho ngân hàng.

Rủi ro tiềm tàng trong các NHTM gồm hai loại: Các rủi ro có nguồn gốc nội tại và các rủi ro về mặt hệ thống do tác động của thị trường ngân hàng.

**Các rủi ro có nguồn gốc nội tại như:** (i) *Rủi ro tín dụng* xảy ra khi khách hàng không hoàn trả được nợ đúng thời hạn hoặc không trả nợ cho ngân hàng. Khả năng này xuất hiện do khách hàng sử dụng vốn không hiệu quả hoặc không có khả năng trả nợ cho ngân hàng, hoặc do khách hàng không muốn trả nợ. Một nguyên nhân khác là do việc thẩm định dự án của chính ngân hàng không chuẩn xác, chính sách tín dụng không hợp lý, không thực hiện tốt khâu kiểm soát trong quá trình cho vay; (ii) *Rủi ro*

*thanh khoản* xảy ra khi những thay đổi trên thị trường thứ cấp gây khó khăn cho ngân hàng trong việc chuyển đổi các tài sản thành tiền để đáp ứng các nhu cầu chi trả. Khả năng này xảy ra khi chi phí giao dịch tăng, hoặc thời gian giao dịch bị kéo dài. Tồn thất mà ngân hàng phải gánh chịu là chi phí phát sinh do phải tìm kiếm các nguồn chi trả khác; (iii) *Rủi ro lãi suất* xảy ra khi biến động lãi suất thị trường gây tổn thất cho ngân hàng. Rủi ro này xuất hiện trong trường hợp lãi suất của thị trường tăng lên, khi đó, các khoản cho vay và đầu tư của ngân hàng sẽ sụt giảm giá trị và ngân hàng sẽ gặp tổn thất. Một trường hợp khác của rủi ro lãi suất là khi lãi suất thị trường giảm, làm cho ngân hàng phải chấp nhận đầu tư và cho vay các khoản tiền huy động với lãi suất cao vào các tài sản với mức sinh lời thấp; (iv) *Rủi ro hối đoái* là khả năng xảy ra những tổn thất mà ngân hàng phải chịu khi tỷ giá hối đoái thay đổi vượt quá dự tính; (v) *Rủi ro vỡ nợ* là rủi ro mà một ngân hàng không đủ vốn chủ sở hữu để bù đắp cho sự sụt giảm đột ngột trong giá trị tài sản so với giá trị nợ. Rủi ro này xảy ra do hậu quả của các loại rủi ro khác, thiếu kinh nghiệm quản lý vĩ mô, do sự suy thoái của nền kinh tế, tỷ trọng huy động tiền gửi nhỏ, chủ yếu dựa vào các khoản vay, sự gia tăng các vụ vỡ nợ trong danh mục cho vay của các khách hàng (chủ yếu để thanh toán các khoản nợ ngắn



hạn).

**Các rủi ro về mặt hệ thống do tác động của thị trường ngân hàng như:** (i) *Rủi ro lạm phát* là rủi ro ảnh hưởng đến các hoạt động của NHTM do lạm phát tăng cao như khả năng thanh khoản bị suy giảm, khó huy động vốn, hoạt động tín dụng bị kiểm chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro, lợi nhuận giảm sút... Lạm phát tăng cao sẽ làm suy yếu, thậm chí phá vỡ thị trường vốn, ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các NHTM; (ii) *Rủi ro công nghệ* xảy ra khi NHTM đầu tư công nghệ nhưng không tạo được sự tiết kiệm chi phí từ lợi thế quy mô lớn và lợi thế danh mục đa dạng như dự liệu, ví dụ công suất vượt quá, công nghệ lạc hậu, tình trạng thiếu hiệu quả do quan liêu hoặc về phương diện tổ chức làm cho việc tăng trưởng quy mô không có hiệu quả; (iii) *Rủi ro thay đổi môi trường pháp lý* là các rủi ro liên quan đến tác động tài chính của việc thay đổi các quy định quản lý của Nhà nước và luật pháp. Không phải bao giờ hệ thống vận hành của NHTM cũng có thể đáp ứng kịp thời những thay đổi trong các yêu cầu, quy định pháp lý và quản lý, nhất là sự thay đổi trên quy mô toàn cầu; (iv) *Rủi ro về chu kỳ kinh tế, sự biến động của các yếu tố thị trường*: Các rủi ro này liên quan đến sự biến động của nền kinh tế toàn cầu và quốc gia. Trong giai đoạn ngưng trệ, ngành dịch vụ ngân hàng sẽ bị giảm sút doanh thu, phí ngân hàng; (v) *Rủi ro từ sự*

**Bảng 1. Trọng số đánh giá rủi ro trong hoạt động huy động vốn tại ABC, Chi nhánh A và B**

| TT | Nhân tố ảnh hưởng                  | Trọng số đánh giá rủi ro trong hoạt động huy động vốn tại các chi nhánh |             |
|----|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|
|    |                                    | Chi nhánh A                                                             | Chi nhánh B |
| 1  | Rủi ro tín dụng                    | 15%                                                                     | 10%         |
| 2  | Rủi ro thanh khoản                 | 10%                                                                     | 7%          |
| 3  | Rủi ro lãi suất                    | 10%                                                                     | 10%         |
| 4  | Rủi ro hối đoái                    | 5%                                                                      | 8%          |
| 5  | Rủi ro vỡ nợ                       | 3%                                                                      | 3%          |
| 6  | Rủi ro lạm phát                    | 7%                                                                      | 7%          |
| 7  | Rủi ro công nghệ                   | 5%                                                                      | 6%          |
| 8  | Rủi ro thay đổi môi trường pháp lý | 10%                                                                     | 10%         |
| 9  | Các rủi ro khác                    | 35%                                                                     | 39%         |
|    | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>100%</b>                                                             | <b>100%</b> |

*thay đổi môi trường tự nhiên* làm tăng đáng kể tần suất và mức độ nghiêm trọng của thiên tai, thảm họa tự nhiên và điều kiện sinh sống của loài người dẫn đến những thiệt hại cho các khách hàng của ngân hàng làm họ không có khả năng trả nợ cho ngân hàng;...

## **2. Đánh giá rủi ro trong ngân hàng thương mại phục vụ cho hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính**

Xét trên giác độ là kiểm toán, các rủi ro trên sẽ có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin tài chính trên BCTC- gọi là rủi ro tiềm tàng (RRTT) và rủi ro kiểm soát (RRKS). Căn cứ vào tính chất và mức độ tác động đến BCTC của các loại rủi ro trên, kiểm toán viên sẽ xem xét và nhận định về mức độ RRTT và RRKS. Việc xác định được mức độ RRTT và RRKS có tác động rất lớn đến hoạt động kiểm toán. Vì vậy, để đánh giá rủi ro, KTV tiến hành xây dựng bảng trọng số cho từng nhân tố để đánh giá, cho điểm về mức độ

rủi ro đối với từng nhân tố, sau đó tổng hợp điểm đánh giá cho toàn bộ hoạt động đó để đánh giá mức độ rủi ro RRTT và RRKS cho từng loại hoạt động của đơn vị, bộ phận được kiểm toán.

Ví dụ: Qua khảo sát, KTV đánh giá rủi ro trong hoạt động huy động vốn tại NHTM ABC, Chi nhánh A và Chi nhánh B, thể hiện ở Bảng 1.

Để đánh giá được mức độ RRTT, KTV thường chấm điểm cho từng nhân tố dựa trên các thông tin đã thu được để cho điểm từ 0 đến 3. Thông thường có các mức sau:

0: không có rủi ro;

Từ 0 đến 1: Rủi ro thấp;

Từ 1 đến 2: Rủi ro trung bình;

Từ 2 đến 3: Rủi ro cao.

Tuy nhiên trên thực tế KTV có thể đưa ra khoảng dao động rủi ro chi tiết hơn đến 0,25, sau đó sẽ nhân với trọng số tương ứng của từng nhân tố để có kết quả điểm số của từng nhân tố và tổng từng loại hoạt động của đơn vị và bộ phận đó để đánh giá tổng quát về rủi ro.



**Bảng 2. Mức độ rủi ro đối với hoạt động huy động vốn tại các chi nhánh của NHTM ABC**

| TT | Nhân tố ảnh hưởng                  | Chi nhánh A |         |            | Chi nhánh B |         |            |
|----|------------------------------------|-------------|---------|------------|-------------|---------|------------|
|    |                                    | Trọng số    | Điểm số | Tổng điểm  | Trọng số    | Điểm số | Tổng điểm  |
| 1  | Rủi ro tín dụng                    | 15%         | 3       | 0,45       | 10%         | 3       | 0,3        |
| 2  | Rủi ro thanh khoản                 | 10%         | 3       | 0,3        | 7%          | 3       | 0,21       |
| 3  | Rủi ro lãi suất                    | 10%         | 2       | 0,2        | 10%         | 2       | 0,2        |
| 4  | Rủi ro hối đoái                    | 5%          | 1       | 0,05       | 8%          | 1       | 0,08       |
| 5  | Rủi ro vỡ nợ                       | 3%          | 1       | 0,03       | 3%          | 1       | 0,03       |
| 6  | Rủi ro lạm phát                    | 7%          | 2       | 0,14       | 7%          | 2       | 0,14       |
| 7  | Rủi ro công nghệ                   | 5%          | 2       | 0,1        | 6%          | 2       | 0,12       |
| 8  | Rủi ro thay đổi môi trường pháp lý | 10%         | 2       | 0,1        | 10%         | 2       | 0,2        |
| 9  | Các rủi ro khác                    |             |         |            |             |         |            |
|    | Cộng                               | <b>100</b>  |         | <b>2,5</b> | <b>100</b>  |         | <b>1,6</b> |

Tổng điểm xác định được sẽ được so sánh với bảng điểm từ 0 đến 3 như trên để đánh giá mức độ rủi ro. Nơi nào có rủi ro cao cần tập trung kiểm toán.

Chẳng hạn, dựa trên thông tin đã thu thập được, KTV đánh giá về mức độ RRTT đối với hoạt động huy động vốn tại Chi nhánh A và B của NHTM ABC (theo các nhân tố và cách tính điểm cơ bản ở trên), thể hiện ở Bảng 2.

Theo ví dụ như trên, KTV đã tính được mức độ RRTT đối với hoạt động của huy động vốn tại Chi nhánh A và B của NHTM ABC như sau:

Tại Chi nhánh A = 2,5 → RRTT ở mức độ cao;

Tại Chi nhánh B = 1,6 → RRTT ở mức độ trung bình.

Sau khi đã đánh giá được rủi ro, KTV sẽ trao đổi với bộ phận quản lý cấp cao để lấy ý kiến chỉ đạo định hướng cho việc xác định các nội dung cơ bản trong kế hoạch kiểm toán vì RRTT cùng RRKS là hai nhân tố sẽ quyết định khối lượng, quy mô, phạm vi, chi phí, biên chế và thời gian kiểm toán.

Nếu RRTT và RRKS đều cao thì trong trường hợp này, KTV phải làm nhiều công việc kiểm toán với quy mô kiểm toán rộng, hay nói cách khác mức độ RRTT và RRKS có mối quan hệ tỷ lệ thuận với khối lượng công việc kiểm toán.

Trên cơ sở thực hiện quy trình nhận diện và đánh giá khoa học và đúng đắn về các RRTT và RRKS trong kiểm toán BCTC tại các NHTM sẽ giúp KTV lập kế hoạch kiểm toán phù hợp, xác định được đúng khối lượng, quy mô, phạm vi công việc kiểm toán và có kế hoạch về nhân sự, thời gian, chi phí và các phương tiện cần thiết khác cho một cuộc kiểm toán nhằm nâng cao hiệu quả của cuộc kiểm toán BCTC. Vấn đề này càng trở nên quan trọng hơn trong giai đoạn hiện nay, khi thị trường ngân hàng Việt Nam vừa trải qua thời kỳ đầy khó khăn như: tốc độ tăng trưởng tổng tài sản và tín dụng chậm lại nhưng không đi kèm với nâng cao chất lượng tín dụng (tỷ lệ nợ quá hạn, nợ xấu tăng), huy động vốn khó

khăn và thanh khoản trở thành mối quan ngại sâu sắc với hệ thống ngân hàng, khả năng sinh lời của hệ thống NHTM thấp, giám sát an toàn hệ thống ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước còn có những bất cập, hoạt động của các ngân hàng thương mại còn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro.

## Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2007), *Giáo trình lý thuyết kiểm toán*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
2. PGS, TS. Đinh Xuân Hạng, ThS. Nguyễn Văn Lộc (2012), *Giáo trình quản trị tín dụng ngân hàng thương mại*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
3. Alvin A. Arens & James Kloebecker (1995), *Kiểm toán (Tài liệu dịch)*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
4. *Chuẩn mực số 400 - Đánh giá rủi ro và kiểm soát nội bộ ban hành theo Quyết định số 143/2001 ngày 21/12/2001 về việc ban hành và công bố sáu chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (đợt 3)*.
5. *Các tạp chí tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán*.
6. *Các trang web về kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng*.